

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01- 2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Văn Thông

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Như Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2025/QĐST - DS ngày 26/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Trần Hưng, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ 13 khu phố R, phường B, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Thái Thị Trang Đ, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ 13 khu phố R, phường B, Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày nội dung được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và bị đơn tự tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai – nay là phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột với nhau. Cũng trong năm 2023, bị đơn bỏ đi nơi khác sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ đó đến nay. Nay nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Bùi Ngọc Uyên N, sinh ngày 23/7/2003 và Bùi Ngọc Bảo N, sinh ngày 01/9/2009. Ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Bảo N và không yêu cầu bà Thái Thị Trang Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Bùi Ngọc Uyên N, sinh ngày 23/7/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thái Thị Trang Đ đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng bằng việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Thái Thị Trang Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, bản tường trình gửi cho Tòa án.

* Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản chính Đơn khởi kiện, đơn đề nghị không tiến hành hoà giải đối thoại tại Toà án; Bản sao Căn cước công dân của nguyên đơn và bản pho to Căn cước công dân của bị đơn; Bản chính giấy kết hôn; Bản chính xác nhận nơi cư trú và bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai, đơn đề nghị đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đơn đề không hoà giải và đơn đề nghị vắng mặt.

* Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp: Không.

* Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của cháu Bùi Ngọc Bảo N; Lời khai của đương sự; biên bản xác minh tại Công an phường Bảo Vinh, tỉnh Đồng Nai; các văn bản, tài liệu liên quan đến thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

* *Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án cho thấy, ông H và bà Đ chung sống có đăng ký kết hôn từ năm 2002, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khi xảy ra mâu thuẫn, bà Đ bỏ đi không rõ tung tích, hiện không liên lạc được, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, con chung do một mình ông H nuôi dưỡng. Nay ông H yêu cầu ly hôn, về con chung ông H và bà Đ có 02 con chung tên Bùi Ngọc Uyên N, sinh ngày 23/7/2003 và cháu Bùi Ngọc Bảo N, sinh ngày 01/9/2009. Ông H yêu cầu được nuôi cháu Bùi Ngọc Bảo N, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng; con chung Bùi Ngọc Uyên N đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy yêu cầu của ông H là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông H được ly hôn với bà Đ; giao con chung Bùi Ngọc Bảo N cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Trần H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thái Thị Trang Đ, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Bà Thái Thị Trang Đ là bị đơn có nơi cư trú tại tổ 13 khu phố R, phường B, Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp lệ bằng việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân từ nhiều lý do khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống. Bà Đ bỏ đi nơi khác sinh sống, vợ chồng còn liên lạc, không còn chung sống từ năm 2023 đến nay. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể hàn gắn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin bà Đ không có mặt tại địa phương từ năm 2023, không biết bà Đ đi đâu. Lời khai của cháu Bùi Ngọc Bảo N cũng xác định từ năm 2023 do ba, mẹ có mâu thuẫn nên mẹ Thái Thị Trang Đ bỏ đi nơi khác sinh sống, đi đâu cháu không biết, không ai liên lạc được với mẹ từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ bằng việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải hàn gắn cho nguyên đơn và bị đơn được.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn khai có 02 con chung, tên Bùi Ngọc Uyên N, sinh ngày 23/7/2003 và Bùi Ngọc Bảo N, sinh ngày 01/9/2009. Ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Bảo N và không yêu cầu bà Thái Thị Trang Đ cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được nhận thấy từ khi nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau đến nay cháu Bùi Ngọc Bảo N vẫn chung sống với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu Bùi Ngọc Bảo N cũng muốn tiếp tục được sống cùng với cha là ông Bùi Trần Hưng. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Bùi Ngọc Bảo N cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, bị đơn bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng đối với con chung tên Bùi Ngọc Uyên N, sinh ngày 23/7/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động, ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Trần H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Trần H đối với bị đơn bà Thái Thị Trang Đ, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Bùi Trần H được ly hôn với bà Thái Thị Trang Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Bảo N, sinh ngày 01/9/2009 cho ông Bùi Trần H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà Thái Thị Trang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Thái Thị Trang Đ được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, ông Bùi Trần Hưng, bà Thái Thị Trang Đ được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Trần H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Bùi Trần H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004088 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông Bùi Trần H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 -ĐN;
- UBND P. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (Giấy KH Số 68/2002 thị trấn Xuân Lộc, Long Khánh cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Lê Thị Hoa

